TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 281/2022/HS-PT
Ngày: 28/12/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Quốc Thành.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương.

Bà Lê Thị Phương Thanh.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Trịnh Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà*:

Bà Lê Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 305/2022/TLPT-HS ngày 14 tháng 10 năm 2022. Do có kháng cáo của các bị cáo Đặng Văn S, Lê Thị L, Đặng Duy M, Đặng Tiến Ho, Đặng Văn Gi, Nguyễn Văn H và Nguyễn Tuấn A đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 242/2022/HS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2022/QĐXXPT-HS ngày 08/11/2022.

** Các bị cáo kháng cáo:*

1. Họ và tên: **Đặng Văn S**, tên gọi khác: Không - Sinh năm 1994, tại Nam Định;

Nơi cư trú: Xóm 15, xã Giao Y, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đặng Văn Long và bà Phạm Thị Bưởi; Vợ: Nguyễn Thị Xiêm và có 02 con (Lớn SN 2017, con nhỏ SN 2021);

Tiền án: Ngày 11/7/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 60 tháng về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức".

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2020 đến ngày 02/3/2021 được áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" (Có mặt).

2. Họ và tên: **Lê Thị L**, tên gọi khác: Không - Sinh năm 1976; tại Thanh Hóa;

Nơi cư trú: SN 85 Ngô Từ, phường L, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đoàn thể: (bị xóa tên Đảng viên năm 2009 tại Đảng bộ xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa); Con ông Lê Công Cội (Thương binh), con bà Hà Thị Lộc; Chồng Nguyễn Công Hạnh; Có 01 con (SN 2001). Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2020 đến ngày 23/11/2020 được áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" (Có mặt).

3. Họ và tên: **Đặng Duy M**, tên gọi khác: Không - Sinh năm 1994, tại Nam Định;

Nơi cư trú: Xóm 15, xã Giao Y, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đặng Duy Phụ và bà Nguyễn Thị Thanh; Vợ: Cao Thị Nga, (Có 01 con, SN 2021); Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2020 đến ngày 11/01/2021 được áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" (Có mặt).

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, tên gọi khác: Không - Sinh năm 1994, tại Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn Tân Thanh, xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Hiếu và bà Nhữ Thị Hà; Vợ, con: Chưa. Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2020 đến ngày 04/3/2021 được áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" (Có mặt).

5. Họ và tên: **Đặng Văn Gi**, tên gọi khác: Không - Sinh năm 1999, tại Nam Định;

Nơi cư trú: Xóm 15, xã Giao Y, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Con ông Đặng Tiến Nam và bà Nguyễn Thị Sáu; Vợ: Trần Thị CH; Có 01 con (sinh ngày 01/7/2022); Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2016 bị Tòa án nhân dân Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 11/10/2017.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2020 đến ngày 23/01/2021 được áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" (Có mặt).

6. Họ và tên: **Đặng Tiến Ho**, tên gọi khác: Không - Sinh năm 1997, tại Nam Định;

Nơi cư trú: Xóm 15, xã Giao Y, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đặng Tiến Dự và bà Phạm Thị Lan; Vợ, con: Chưa; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2020 đến ngày 23/01/2021 được áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" (Có mặt).

7. Họ và tên: **Nguyễn Tuấn A**, tên gọi khác: Không - Sinh năm 1998, tại Hưng Yên;

Nơi cư trú: Thôn Làng Tu, xã Ia L, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Xuân Quyền và bà Nguyễn Thị Duyến; Vợ, con: Chưa; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2020 đến ngày 04/3/2021 được áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" (Có mặt).

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Không kháng cáo).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/10/2020, Công an thành phố Thanh Hoá tiếp nhận nguồn tin tố giác tội phạm của anh Phạm Kim Công (SN 1980), trú tại xã Thăng Long, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, là giáo viên trường Trung học phổ thông Nông Cống 3 Thanh Hoá, với nội dung: Do có nhu cầu thi chứng chỉ ngoại ngữ nên các anh và một số giáo viên của trường tìm hiểu và biết Đỗ Thị Gi; Lê Thị L công tác tại Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Thanh Hóa và Ho Thị Hường giáo viên trường Tiểu học Lý Tự Trọng, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa đang thu, nhận, tổ chức thi chứng chỉ ngoại ngữ nên anh cùng một số giáo viên trong trường đến đăng ký nộp hồ sơ dự thi với mức lệ phí thi 4,5 triệu đồng/một chứng chỉ. Ngày 01/3/2020, anh cùng một số giáo viên trong trường nhận được điện thoại của Đỗ Thị Gi thông báo đến tham gia dự thi, địa điểm thi tại Trường tiểu học Lý Tự Trọng, do đó anh cùng mọi người đến dự thi và 10 ngày sau thì được nhận chứng chỉ ngoại ngữ do trường Đại học sư phạm ngoại ngữ Hà Nội cấp. Sau khi nhận chứng chỉ anh và một số giáo viên trong trường tìm hiểu trên cổng thông tin điện tử của trường và nghi ngờ các chứng chỉ trên là giả nên đến cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa tố cáo hành vi trái pháp luật của Lê Thị L, Đỗ Thị Gi và Hoàng Thị Hường. Đồng thời giao nộp 04 chứng chỉ có tên Lương Thị Phượng, Phạm Kim Công, Trịnh Thị Bình và Bùi Thị Thủy.

Ngày 29/10/2020, Đỗ Thị Gi, Lê Thị L là giáo viên của Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Thanh Hóa và Ho Thị Hường, giáo viên trường tiểu học Lý Tự Trọng, thành phố Thanh Hóa đến cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa xin đầu thú và khai báo: Do Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Thanh Hóa có dự kiến liên kết với một số trường đại học về tổ chức thu nhận hồ sơ, tổ chức thi

cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học, ứng dụng công nghệ thông tin...Phòng Tin học, Ngoại ngữ của L được giao chuẩn bị kế hoạch cho việc tuyển sinh khi trung tâm ký liên kết, Trung tâm cũng đã giao cho Phòng Tin học, Ngoại ngữ lên kế hoạch tuyển sinh và in quảng cáo thông báo tuyển sinh. Do đầu năm 2020 dịch bệnh Covit-19 bùng phát nên Trung tâm chưa liên kết được với trường đại học nào và cũng không tổ chức thi như kế hoạch đã đề ra, thời điểm này Trung tâm đã cho in, phát quảng cáo về việc tuyển sinh cho một số địa phương phường xã, Đồng thời, tại thời điểm này có một số công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh có nhu cầu thi lấy các loại chứng chỉ nhằm hoàn thiện hồ sơ và biết được thông tin tuyển sinh của Trung tâm nên đã đến đăng ký học và thi. Khi thấy nhu cầu của học viên cần có các chứng chỉ ngay, trong khi Trung tâm dừng việc ký liên kết tổ chức thi nên L đã liên hệ với Đặng Văn S (SN 1994) tại phòng 1808 CT1, chung cư @Home 987 Tam Trinh, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội trao đổi thống nhất để S làm giả chứng chỉ, số tiền thanh toán cho mỗi loại chứng chỉ dao động từ 700.000đ đến 900.000đ/1chứng chỉ. Sau đó L trao đổi, hướng dẫn Đỗ Thị Gi, La Đức Dũng là cán bộ Trung tâm giáo dục thường xuyên và Hoàng Thị Hường giáo viên trường tiểu học Lý Tự Trọng, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa cách thu nhận hồ sơ của học viên. Rồi L lên mạng Internet tải các dạng bài kiểm tra đánh giá năng lực về máy tính và in thành bài kiểm tra để phát cho học viên dự thi. Sau đó Lê Thị L nói với Hoàng Thị Hường mượn Trường tiểu học Lý Tự Trọng làm địa điểm tổ chức làm bài kiểm tra. Lê Thị L, Đỗ Thị Gi và Ho Thị Hường đã tổ chức cho học viên làm bài đánh giá năng lực 02 lần tại trường Lý Tự Trọng, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa và 01 lần tại khách sạn Phượng Hoàng, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa. Khi tổ chức làm bài kiểm tra đánh giá năng lực thì cả L, Gi và Hường cùng tham gia phát bài kiểm tra và thu bài. Sau khi học viên làm bài kiểm tra đáng giá năng lực Lê Thị L chuyển hồ sơ và tiền cho Đặng Văn S để S làm giả chứng chỉ. Khoảng 10 ngày sau, Đặng Văn S gửi chứng chỉ về, Lê Thị L đưa chứng chỉ cho Đỗ Thị Gi và Hoàng Thị Hường để Gi và Hường trả chứng chỉ cho học viên mà mình đã thu hồ sơ. Trong quá trình thu, nhận hồ sơ Lê Thị L còn hướng dẫn cho La Đức Dũng giáo viên cùng phòng để Dũng hướng dẫn cho học viên là người quen biết với Dũng, số hồ sơ học viên Dũng chuyển cho L bao nhiêu L không nhớ, chỉ nhớ có hồ sơ của Phạm Thị Hằng ở Quan Sơn, Thanh Hóa.

Sau khi tiếp nhận đầu thú của Lê Thị L, Đỗ Thị Gi và Hoàng Thị Hường, Cơ quan CSĐT tiến hành khám xét tại chỗ ở và nơi làm việc của Lê Thị L, kết quả khám xét đã thu giữ: 13 (Mười ba) Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh bậc 2 do Trường Đại học sư phạm Hà Nội cấp. 03 (Ba) chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh bậc 3 do Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia cấp. 57 (Năm bảy) bài thi chứng chỉ tiếng Anh bậc A2 của Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội và 38 (Ba tám) bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh bậc 3 Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội.

Đồng thời tiến hành bắt khẩn cấp Đặng Văn S, khám xét chỗ ở tại phòng 1808 CT1, chung cư @Home 987 Tam Trinh, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai,

thành phố Hà Nội. Kết quả thu giữ: 01 (Một) điện thoại Nokia 216 màu đen có seri 1: 354491092190290, seri 2: 354491094690297 được gắn 2 số thuê bao 0829798817 và số 0886486725 (đã qua sử dụng). 01(Một) điện thoại Nokia 105 màu đen có số imei 1: 353141113089197, imei 2: 353141118039192 được gắn 2 số thuê bao 0961503884 và 0352555911 (đã qua sử dụng). 01 Iphone màu ghi xám imei 1: 353948101656570; imei 2: 353948101625955 gắn 2 số thuê bao 0787356666; và số 0834093409 (đã qua sử dụng). 01 (Một) thẻ ngân hàng ACB mang tên Hoàng Anh Quân. 01 (Một) thẻ ATM ngân hàng ACB mang tên Đặng Văn S, 01 (Một) thẻ ATM ngân hàng Vietcombank mang tên Đặng Văn S. 01 (Một) máy tính (CPU) màu đen nhãn hiệu VSP TECH NOLOGYSPREAD (đã qua sử dụng). 01 (Một) ổ cứng máy tính nhãn hiệu WD ELENENTS màu đen. 01 (Một) điện thoại sam sung A50 màu trắng có số imei 356646102228863; 356647102228861 có gắn số thuê bao 0886925808 và 01 (Một) điện thoại Nokia 230 màu đen số imei: 354882083180540; 354882083180557 gắn số thuê bao 0967414992; 0985585180 (đã qua sử dụng).

Tại Cơ quan CSĐT, Đặng Văn S khai nhận: S và Đặng Duy M là anh em họ, do thấy nhu cầu của một số người dân ngại đi thi, đi học nhưng vẫn muốn có các loại giấy tờ phục vụ yêu cầu công tác, sinh hoạt như các loại văn bằng chứng chỉ, giấy phép lái xe...nên S và M thống nhất cùng nhau làm giả các loại giấy tờ. Sau đó S giao cho M ở thành phố Hồ Chí Minh phụ trách khu vực phía Nam và trực tiếp làm, S ở Hà Nội sẽ tìm nguồn khách hàng, khi có khách hàng, S sẽ gửi thông tin cho M để M làm. Trong quá trình làm tại Hà Nội, S có hướng dẫn Lưu Công Hòa cách đăng thông tin quảng cáo và làm giả Giấy phép lái xe. Khi có khách hàng làm văn bằng chứng chỉ Hòa sẽ chuyển cho S, đối với giấy phép lái xe Hòa sẽ tự làm. Đầu năm 2020 do có nhiều khách hàng có nhu cầu, nên M có nói với S cần thêm người hỗ trợ và S đồng ý. Sau đó M đã lựa chọn Nguyễn Văn H, Nguyễn Tuấn A, Lý Kim Sơn là người trực tiếp in, scan làm giả giấy tờ chứng chỉ; Trần Xuân Triệu, Đỗ Văn Phúc, Đặng Văn Gi, Phạm Tuấn A, Đỗ Ngọc Thanh, Đặng Tiến Ho đăng thông tin trên mạng xã hội để tìm kiếm khách hàng. Cùng thời gian này S quen biết với Lê Thị L và L có trao đổi với S làm giả một số chứng chỉ ngoại ngữ, S đồng ý và cả hai thống nhất giá làm mỗi loại chứng chỉ. Thời gian sau đó, L đã chuyển thông tin (hồ sơ) và tiền cho S, rồi S đã chuyển thông tin cá nhân, loại chứng chỉ cho Đặng Duy M để M giao cho Nguyễn Văn H, Nguyễn Tuấn A, Lý Kim Sơn làm giả. Do không ghi chép nên Đặng Văn S không nhớ đã làm cho L bao nhiêu chứng chỉ.

Đối với La Đức Dũng có hành vi làm chứng chỉ giả cho chị Phạm Thị Hằng. Tại cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa, ban đầu La Đức Dũng khai nhận được L cho đọc văn bản liên kết giữa Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Thanh Hóa với các Trường Đại học, các Trung tâm ngoại ngữ. Dũng có thu tiền, nhận hồ sơ của một số học viên sau đó chuyển cho Lê Thị L, Dũng không nhớ được tên, địa chỉ số học viên mình đã nhận hồ sơ, Dũng không biết việc L làm chứng chỉ giả. Cơ quan điều tra tiến hành đối chất giữa La Đức Dũng với Lê Thị L và Phạm Thị Hằng, Lâm Đình Huỳnh để làm rõ mâu thuẫn trong lời khai. Sau khi

đối chất La Đức Dũng đã thừa nhận việc nhờ L làm chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cho Phạm Thị Hằng mà không phải học, phải thi. Đồng thời Dũng nhận thức việc nhờ L làm chứng chỉ cho chị Phạm Thị Hằng không phải học, không phải thi mà vẫn có chứng chỉ thì chỉ là chứng chỉ giả.

Căn cứ lời khai của Đặng Văn S, Cơ quan CSĐT ra lệnh khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Lưu Công Hoà, Đặng Duy M, Đặng Văn Gi và Nguyễn Văn H. Kết quả khám xét cơ quan CSĐT đã thu giữ tài liệu, công cụ các đối tượng sử dụng để làm giả các giấy tờ tài liệu của cơ quan, tổ chức. Cụ thể như sau:

1**.** *Thu tại chổ ở của Lưu Công Hòa, sinh 1993 phòng 601 chung cư Hà Phương, tổ 4, phường Phú Đô, quân Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội*: 100 (Một trăm) thẻ nhựa có ghi giấy phép lái xe, 03 (Ba) giấy ni lon trên mỗi tem có 144 tem tròn, KT mỗi tem 1cm, 81 (Tám mốt) tờ giấy nilon màu vàng, mỗi tờ có 6 tem hình chữ nhật, mỗi mặt tem có in hình bông hoa, 83 (Tám ba) tờ giấy nilon màu vàng KT 17 x 17 c, trên mỗi giấy có 6 tem hình chữ nhật, KT 8 x 5 cm mỗi mặt con tem có hình hoa sen. 01 (Một) giấy phép lái xe mang tên Trần Văn Tú (SN 1998) trú tại Nghi Liên, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An; 01 (Một) thẻ ngân hàng ACB mang tên Lưu Công Hòa, 01 (Một) thẻ ngân hàng VP bank mang tên Lưu Công Hòa, 01 (Một) cây máy tính màu đen kích thước 37 x 35 x17 đã qua sử dụng. 01 (Một) màn hình máy tính nhãn hiệu sam sung màu đen có mã sản phẩn LS24F350 FHEXXV và 01 (Một) máy in nhãn hiệu HITI Card Printer có model CS - 200^{e}, Past No 88.C0837.000T máy đã qua sử dụng.

2*. Thu giữ tại chỗ ở của Nguyễn Văn H, sinh 1994 (phòng 1304 tòa nhà B4, Chung cư EVATON Đức Khải, phường Phú Mỹ, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh*: 01 (Một) CASE máy tính ARROW; 01 (Một) máy in EPSen model B412C; 01 (Một) máy ép YAJAI; 01 (Một) Máy in EPSOW B321C; 01 (Một) Máy in nhựa HITICS200E; 01 (Một) Máy photo CANON F167302; 01 (Một) dấu hình tròn phòng tư pháp Quận Cầu Giáy, thành phố Hà Nội; 01 (Một) dấu hình tròn của Sở Giao thông thành phố Hồ Chí Minh; 01 (Một) dấu hình tròn của Văn phòng công chứng quận 12 Tp. Hồ Chí Minh; 01 (Một) dấu hình tròn của Sở Giao thông thành phố Hà Nội; 01 (Một) dấu hình tròn của Trung tâm ngoại ngữ Đại học Nha Trang; 01 (Một) dấu chứng thực chữ nhật nội dung "Y sao bản chính" của Quận Cầu Giấy; 01 (Một) dấu chứng thực chữ nhật nội dung "Y sao bản chính"; 01 (Một) dấu tên Trần Văn Tuấn; 01 (Một) dấu tên Trần Thị Thanh Hiền; 01 (Một) dấu tên Nguyễn Tuấn A; 01 (Một) dấu tên Trần Hữu Nam; 01 (Một) dấu tên Phạm Thu Gi; 01 (Một) dấu tên Phạm Thị Thu Hà; 01 (Một) dấu chứng thực chữ nhật nội dung "Bản chính"; 01 (Một) dấu chứng thực chữ nhật nội dung "Hồ sơ hợp lệ"; 02 (Hai) dấu tròn hình chữ nhật nội dung "Ngày, tháng, năm"; 74 (Bảy tư) mặt dấu hình tròn các loại của các cơ quan, tổ chức; 05 (Năm) hộp mực dấu; 12 (Mười hai) hộp phôi giấy phép lái xe và phôi căn cước công dân; 14 (Mười bốn) giấy phép lái xe; 08 (Tám) tập giấy vàng kích thước 60x90; 16 (Mười sáu) tập phong bì kích thước 35x25 và 07 (Bảy) tập giấy A4.

3. *Thu giữ tại chỗ ở của Đặng Duy M (SN 1994), phòng 14 tầng 3 Tòa C1 Chung cư Belleza, phường Phú Mỹ, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh*: 01 (Một) cây máy tính màu đen kích thước 50x45x22, mặt sau có tem nhãn mang dòng chữ XEN 41220X1071370692 phía dưới có dòng chữ CASE MADE IN CHINA, tại vị trí giữa cây máy tính có 01 cục linh kiện máy tính, mặt bên hông phải của cục linh kiện có dòng chữ COMMAN DER màu đỏ, tại vị tri đáy bên hông phải cây máy tính có 01 cục linh kiện màu đen in dòng chữ, số ELITEV3500 màu trắng, mặt trước của máy tính XIGMATAEK; 01 (Một) điện thoại di động IPHONE XS MAX màu đen, số IMEI 353099106035699 kèm theo sim số 0988.000.062; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI8, màu đen, số IMEI 869785033829403; 869785033829397, kèm theo 02 thẻ sim điện thoại số 0966.764.880 và số 0982.343.311; 01 (Một) thẻ Ngân hàng ACB, số thẻ 4221093542233648 mang tên Đặng Duy M; 01 (Một) thẻ Ngân hàng ACB, số thẻ 4221093320482920 mang tên Đặng Duy M; 01 (Một) thẻ Ngân hàng ACB, số thẻ 9704162460442318 mang tên Đặng Duy M; 01 (Một) thẻ Ngân hàng ACB, số thẻ 5370181017132769 mang tên Đặng Duy M; 01 (Một) thẻ Ngân hàng Việtcombank, số thẻ 2228061897067611 mang tên Đặng Duy M; 01 (Một) thẻ Ngân hàng Việtcombank, số thẻ 4524041809834071 mang tên Đặng Duy M; 01 (Một) thẻ Ngân hàng AGRIBANK, số thẻ 9704050867650660 mang tên Đặng Duy M và 01 (Một) thẻ Ngân hàng Việtcombank, số thẻ 9704366814456031012 mang tên Trần Việt Anh.

4**.** *Thu của Trần Xuân Triệu cùng phòng với Đặng Duy M*: 01 (Một) cây máy vi tính, màu đỏ, đen, kích thước 60x50x22, tại vị trí phía trong giữa cây máy tính có 01 cục linh kiện màu đen, mặt trên cục linh kiện có tem in 02 dòng chữ, số như sau: GEFORCEG7X1080GAMINGX8G, S/N:602-V336-379131706000094, tại vị trí phía trong bên hông phải máy tính có 01 cục linh kiện màu đen bề mặt có in dòng chữ MWEPRONZE650, tại vị trí bên trong gốc trên hông bên phải cây máy tính có 01 cục linh kiện in dòng chữ VSPTECH; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI8 màu đen, số IMEI 869783033861273; 869785033861283, kèm theo 02 thẻ sim điện thoại số 0922.202.232; 0981.673.016; 01 (Một) thẻ Ngân hàng Việtcombank, số thẻ 4283108497886245 mang tên Trần Xuân Triệu; 01 (Một) thẻ Ngân hàng ACB, số thẻ 9704162460302951 mang tên Trần Xuân Triệu và 01 (Một) thẻ Ngân hàng ACB, số thẻ 4221093329343677 mang tên Trần Xuân Triệu.

Tại cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa, Lưu Công Hòa, Đặng Duy M, Phạm Anh Tuấn, Nguyễn Văn H, Trần Xuân Triệu, Đỗ Văn Phúc, Đặng Văn Gi, Lý Kim Sơn, Nguyễn Tuấn A, Đỗ Ngọc Thanh, Đặng Tiến Ho khai nhận: Vào cuối năm 2019, Đặng Văn S có trao đổi, bàn bạc với Đặng Duy M về việc làm giấy tờ giả kiếm tiền, Đặng Duy M đồng ý. Sau đó S hướng dẫn M cách làm. Khi M thuần thục thì S ra Hà Nội (do Đặng Văn S đang có tiền án về tội làm giả giấy tờ tài liệu nên không trực tiếp làm mà để M ở trong Thành phố Hồ Chí Minh làm). Đặng Văn S ở Hà Nội sẽ có trách nhiệm nhận đơn của khách chuyển cho M làm, lợi nhuận thu được chia đôi theo từng đơn hàng. Sau đó Đặng Văn S quay ra Hà

Nội cùng Lưu Công Hoà chạy quảng cáo tìm kiếm khách hàng. Khi có khách hàng S chuyển cho M. Đến khoảng tháng 3/2020 do làm không hết việc, M đã bàn với S thuê thêm người để làm, S đồng ý. Sau đó Đặng Duy M đã gọi điện cho Phạm Anh Tuấn, Nguyễn Văn H, Trần Xuân Triệu, Đỗ Văn Phúc, Đặng Văn Gi, Lý Kim Sơn, Đỗ Ngọc Thanh, Đặng Tiến Ho là bạn và người quen của M trao đổi việc làm giấy tờ giả. Sau khi được M trao đổi Phạm Anh Tuấn, Nguyễn Văn H, Trần Xuân Triệu, Đỗ Văn Phúc, Đặng Văn Gi, Lý Kim Sơn, Đỗ Ngọc Thanh, Đặng Tiến Ho đồng ý làm. Nguyễn Văn H gọi điện rủ Nguyễn Tuấn A đến cùng làm với mình. Đặng Duy M thuê phòng 1304 ở Chung cư EVATON Đức Khải, phường Phú Mỹ, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho các bị cáo Nguyễn Văn H, Lý Kim Sơn và Nguyễn Tuấn A ở và trực tiếp scan, in, làm giả các giấy tờ. Thuê phòng 1202 Chung cư BEZELA, phường Phú Mỹ, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Đặng Văn Gi, Trần Xuân Triệu, Đỗ Văn Phúc, Phạm Tuấn A, Đỗ Ngọc Thanh, Đặng Tiến Ho ở để trực tiếp chạy quảng cáo và nhận đơn đặt của khách rồi chuyển cho Đặng Duy M để M chuyển cho nhóm của H làm. Lương tháng của mọi người do S theo dõi quản lý trả vào tài khoản cho từng người. Đồng thời Đặng Văn Gi, Đỗ Ngọc Thanh, Đặng Tiến Ho, Phạm Tuấn A và Đỗ Văn Phúc đã tự nguyện giao nộp điện thoại di động mà các đối tượng sử dụng vào việc đăng thông tin, chạy quảng cáo làm giấy tờ giả. Cụ thể:

- Đặng Văn Gi giao nộp 02 điện thoại gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphon 6s plus số IMEI 355723070338221 và 01Điện thoại di động nhãn hiệu Iphon X số IMEI 354859092120386.

- Đỗ Ngọc Thanh giao nộp 02 điện thoại gồm: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphon 6plus số IMEI 352051075377744 và 01 Điện thoại di động nhãn hiệu VSMat số IMEI 353442113058637.

- Đặng Tiến Ho giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A6 số IMEI 357931091113303.

- Phạm Anh Tuấn giao nộp 03 điện thoại gồm: 01 điện thoại di động Iphon 6S plus số IMEI 353332072690779; 01 điện thoại OPPO A3S số IMEI 867791046420754 và 01 điện thoại NOKIA số IMEI 1359008090445271.

- Đỗ Văn Phúc giao nộp 02 điện thoại gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu VSMART số IMEI 353442112495558 và 01 điện thoại nhãn hiệu REDMI số IMEI 869722041469163 .

Mở rộng điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (Đài phát thanh truyền hình) tỉnh Thanh Hóa để học viên đã tham gia dự thi cấp chứng chỉ tại Trường tiểu học Lý Tự Trọng và khách sạn Phượng Hoàng. Hết thời hạn điều tra, Cơ quan CSĐT đã tiếp nhận được một số học viên tham gia dự thi như sau:

1. Nguyễn Thị Quỳnh, SN 1991. Trú tại Tiểu khu Nam Tiến, thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;

2. Lê Thị Thơm, SN 1992. Trú tại thôn Eo Son, xã Phú Nhuận, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa;

3. Lê Thị Ngọc Mai, SN 1983. Trú tại Làng Trù xã Van Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;

4. Vũ Thị Hằng, SN 1993. Trú tại Tiểu khu Thái Hòa, thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;

5. Lê Thị Yến, sinh 1989 trú tại tiểu khu Vũ Yên, thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;

6. Nguyễn Thị Lý, SN 1987. Trú tại tiểu khi Vũ Yên, thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;

7. Cao Thị Hằng, SN 1985. Trú tại SN 377 Nguyễn Trãi, phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

8. Văn Thị Ngọc, SN 1988. Trú tại khu phố Quang Giáp, phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

9. Lưu Thị Hương, SN 1998. Trú tại thôn Định Hưng, xã Thạch Định, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;

10. Nguyễn Thị Phương, SN 1988. Trú tại phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

11. Phạm Thị Tuyết, SN 1987. Trú tại xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

12. Lê Thị Minh Phượng, SN 1984. Trú tại lô 11, MBQH 7187 phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa;

13. Văn Thị Mỹ Linh, SN 1995. Trú tại 03 Trần Quang Diệu, phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

14. Bùi Thị Ánh Tuyết, SN 1998. Trú tại thôn Hồi Phú, xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;

15. Lê Thị Hậu, SN 1994. Trú tại phòng 706 nhà CT4 chung cư Phú Sơn, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa;

16. Lê Thị L, SN 1997. Trú tại đội 4, xã Đông Minh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

17. Đinh Thị Thịnh, SN 1983. Trú tại thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

18. Phạm Thị Hằng, SN 1982. Trú tại khu 1, thị trấn Quan Sơn, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

19. Bùi Thị Thủy, SN 1977. Trú tại xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;

20. Trịnh Thị Bình, SN 1984. Trú tại thôn Ngọ Thượng, xã Thăng Bình, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa;

21. Lương Thị Phượng, SN 1981. Trú tại xã Minh Khôi, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Tại Cơ quan CSĐT các học viên này đều khai báo: Bản thân cần hoàn thiện hồ sơ và biết thông tin Trung tâm giáo dục thường xuyên có tổ chức liên kết thi cấp các loại chứng chỉ nên đã nộp hồ tham gia dự thi. Khi tham gia dự thi được Lê Thị L, Đỗ Thị Gi và Ho Thị Hường phát bài kiểm tra, thu bài. Sau khi thi khoảng hơn 10 ngày được phát chứng chỉ, khi nhận chứng chỉ về chưa sử dụng, thi biết thông tin Cơ quan Công an điều tra đối với Lê Thị L, Đỗ Thị Gi và Ho Thị Hường về tội làm giả chứng chỉ nên đến Cơ quan CSĐT để khai báo và tự nguyện nộp lại chứng chỉ để phục vụ công tác điều tra. Tất cả các học viên đều yêu cầu được trả lại số tiền đã nộp thi cấp chứng chỉ.

Ngày 29/10/2020, ngày 23/11/2020, và ngày 07/12/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Thanh hoá đã ra các Quyết định Trưng cầu giám định số 834, 902, 947/CSĐT, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá giám định đối với các Chứng chỉ đã thu giữ tại phòng làm việc của Lê Thị L và 21 chứng chỉ do học viên giao nộp.

Tại Kết luận giám định số 2907 ngày 02/11/2020 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- Hình dấu tròn màu đỏ nội dung "Bộ giáo dục - đào tạo - trường Đại học Sư phạm Hà Nội" và chữ ký đứng tên "GS.TS. Nguyễn Văn Minh" trên mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1-A6) so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung và chữ ký mẫu của GS.TS. Nguyễn Văn Minh trên mẫu so sánh (ký hiệu M) không phải do cùng 01 con dấu đóng ra và không phải do cùng 01 người ký ra.

- Hình dấu tròn màu đỏ nội dung "Bộ giáo dục - đào tạo - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội" và chữ ký đứng tên "GS.TS. Nguyễn Văn Minh" trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1-A6) được làm bằng phương pháp in màu.

Tại Kết luận giám định số 3181 ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

1. Hình dấu tròn màu đỏ nội dung "Trường Đại học Sư phạm Hà Nội" dưới mục "Hiệu trưởng" trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A26) so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng 01 con dấu đóng ra. Hình dấu trên các mẫu cần giám định là hình dấu làm bằng phương pháp in màu.

2. Hình dấu tròn màu đỏ nội dung "Trường Đại học Ngoại ngữ" dưới mục "Hiệu trưởng" trên các mẫu cần giám đinh (ký hiệu từ A27 đến A32) so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên mẫu so sánh (ký hiệu M2) không phải do cùng 01 con dấu đóng ra. Hình dấu trên các mẫu cần giám định là hình dấu làm bằng phương pháp in màu.

3. Chữ ký đứng tên "GS.TS. Nguyễn Văn Minh dưới mục "Hiệu trưởng" Trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A26) so với 05 (năm) chữ ký đứng tên "GS.TS. Nguyễn Văn Minh" trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một người ký ra. Chữ ký trên các mẫu cần giám định là chữ ký bằng phương pháp in màu.

4. Chữ ký đứng tên "Đỗ Minh Tuấn" dưới mục "Hiệu trưởng" trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A27 đến A32) so với 05 chữ ký đứng tên Đỗ Minh Tuấn - Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội trên mẫu cần so sánh (ký hiệu M2) không phải do cùng một người ký ra. Chữ ký trên các mẫu cần giám định là chữ ký bằng phương pháp in màu.

Tại Kết luận giám định số 3166 ngày 09 tháng 12 năm 2020 phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá có kết luận:

- Hình dấu tròn màu đỏ, nội dung "Bộ giáo dục - đào tạo -Trường Đại học Sư phạm Hà Nội" trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A) so với dấu hình tròn màu đỏ có cùng nội dung trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký đứng tên GS.TS.Nguyễn Văn Minh trên mẫu cần giám định (kí hiệu A so với chữ ký của GS.TS Nguyễn Văn Minh trên mẫu cần so sánh (kí hiệu M10) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu và chữ ký trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) được làm phương pháp in màu.

Trong vụ án này, Đỗ Thị Gi, Hoàng Thị Hường và La Đức Dũng không trực tiếp thỏa thuận với Đặng Văn S về việc làm giả chứng chỉ như Lê Thị L, nhưng bản thân Đỗ Thị Gi, Hoàng Thị Hường và La Đức Dũng là những cán bộ, viên chức công tác trong nghành giáo dục biết rõ các quy trình, quy định của Nhà nước về việc thi cấp chứng chỉ tin học ngoại ngữ nhưng do hám lợi đã trực tiếp nhận hồ sơ của học viên, không những vậy Ho Thị Hường và Đỗ Thị Gi còn tham gia mượn địa điểm thi và coi thi đánh giá năng lực làm tiền đề để làm các giấy chứng chỉ trái quy định (không phải học, không phải thi vẫn có chứng chỉ). Do đó, Đỗ Thị Gi, Hoàng Thị Hường và La Đức Dũng chịu trách nhiệm đồng phạm với Lê Thị L, đồng thời phải chịu trách nhiệm hình sự chung đối với số chứng chỉ đã thu giữ là 37 chứng chỉ.

Về thu lời bất chính:

Đối với Đặng Văn S: Do L và S không lưu giữ số hồ sơ đã làm chứng chỉ nên chỉ có căn cứ xác định 37 chứng chỉ thu giữ là chứng chỉ Đặng Văn S nhận làm cho Lê Thị L, số tiền L đã trả cho S là 900.000đ/1 chứng chỉ, nhân với 37 chứng chỉ. Tổng số tiền S thu lợi là 33.300.000đ. Trong quá trình điều tra Đặng Văn S đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 10.000.000đ tiền thu lợi bất chính, Cơ quan điều tra chuyển đến Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hoá chờ xử lý theo quy định.

Đối với Lê Thị L, Đỗ Thị Gi, Ho Thị Hường và La Đức Dũng, các bị cáo đã thu, nhận hồ sơ và tiền từ học viên. Các bị cáo không nhớ đã thu cụ thể hồ sơ của ai và số tiền cụ thể của từng bộ hồ sơ. Tất cả hồ sơ, tiền thu về đều nộp lại cho Lê Thị L và L trích phần trăm lại cho người thu. Do đó buộc Đỗ Thị Gi, Hoàng Thị Hường và La Đức Dũng phải chịu trách nhiệm chung đối với số tiền đã thu của các học viên là 37 chứng chỉ. Trong đó xác định:

- Số tiền thu được từ 21 học viên đến trình báo tổng là 79.050.000đ;

- Số tiền thu 16 chứng chỉ thu giữ tại phòng làm việc của Lê Thị L, do chứng chỉ chỉ ghi họ và tên cùng ngày tháng năm sinh, không ghi địa chỉ cụ thể do đó không tiến hành ghi lời khai để làm rõ số tiền đã nộp nên xác định số tiền thu trung bình của mỗi chứng chỉ để xác định số tiền Lê Thị L đã thu là 16 x 3.500.000đ/1 chứng chỉ = 56.000.000đ;

Tổng số tiền đã thu được là 135.050.000đ; được trừ số tiền Lê Thị L trả cho Đặng Văn S 33.300.000đ. Số tiền còn lại 101.750.000đ sau khi hoàn trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại là tiền Lê Thị L, Đỗ Thị Gi, Hoàng Thị Hường và La Đức Dũng đã thu lời bất chính.

Đối với số tiền của 21 học viên đến khai báo, họ yêu cầu được bồi thường. Số tiền còn lại không xác định được bị hại nên sung ngân sách Nhà nước. Do đó buộc Lê Thị L, Đỗ Thị Gi, Hoàng Thị Hường và La Đức Dũng phải liên đới bồi thường khắc phục số tiền này. Trong quá trình điều tra Đỗ Thị Gi tự nguyện trả lại số tiền đã nhận của Phạm Kim Công, Bùi Thị Thuỷ, Lương Thị Phượng, Trịnh Thị Bình với tổng số tiền 15 triệu đồng. Anh Công, chị Thủy, chị Phượng và chị Bình đã nhận lại tiền và không có ý kiến gì; Lê Thị L đã tự giác nộp số tiền 10.000.000đ; Do đó chuyển số tiền trên đến Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hoá xử lý theo quy định của pháp luật.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã kiểm tra dữ liệu trong các máy tính, máy điện thoại đã thu giữ của Nguyễn Văn H, Lưu Công Hòa, Đặng Duy M, Trần Xuân Triệu, Đặng Văn S, Đặng Văn Gi, Đặng Tiến Ho, Đỗ Ngọc Thanh, Phạm Anh Tuấn và Đỗ Văn Phúc: Kết quả kiểm tra trong dữ liệu máy tính và máy điệu thoại có lưu giữ nội dung quảng cáo về việc nhận làm giấy tờ giả và mẫu các loại chứng chỉ giả.

Đối với 57 bài thi chứng chỉ tiếng anh bậc A2 của Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội và 38 bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh bậc 3 Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội thu giữ tại phòng của Lê Thị L chuyển kèm hồ sơ vụ án. Số đồ vật tài liệu còn lại xác định là công cụ các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội, nên Viện kiểm sát ra Quyết định chuyển vật chứng đến cơ quan Thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hóa để chờ xử lý.

- Đối với 08 thẻ ngân hàng thu giữ của của Đăng Duy Minh; 03 thẻ ngân hàng mang tên Trần Xuân Triệu, 02 thẻ ngân hàng mang tên Lưu Công Hòa và 03 thẻ ngân hàng thu giữ của Đặng Văn S quá trình điều tra Cơ quan CSĐT xác định

không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó cơ quan CSĐT đã trả cho Minh, S, Hòa và Triệu quản lý sử dụng.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 242/2022/HS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã căn cứ vào điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 341; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g, h khoản 1 Điều 52; khoản 5 Điều 65; khoản 2 Điều 56; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự (BLHS) (đối với bị cáo Đặng Văn S). Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a, g khoản 1 Điều 52 BLHS; Điều 38; Điều 58 BLHS (đối với bị cáo Lê Thị L)**.** Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s (điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS đối với Đặng Duy M), khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 BLHS (Đối với Đặng Duy M, Nguyễn Văn H, Đặng Văn Gi, Nguyễn Tuấn A và Đặng Tiến Ho). Căn cứ Điều 47 BLHS; khoản 1, điểm a, c, đ khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên các bị cáo Lê Thị L, Đặng Văn S, Đặng Duy M, Nguyễn Văn H, Đặng Văn Gi, Nguyễn Tuấn A và Đặng Tiến Ho phạm tội: "Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức". Xử phạt Đặng Văn S 05 (Năm) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 36 tháng tù về tội "Làm giả con dấu tài liệu của các cơ quan, tổ chức" của Bản án số 35/2017/HSST ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 08 (Tám) năm tù. Phạt bổ sung đối với bị cáo 10.000.000đ để sung nộp ngân sách Nhà nước. Đặng Duy M 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù. Lê Thị L 04 (Bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Nguyễn Văn H 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù. Đặng Văn Gi 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Đặng Tiến Ho 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù và Nguyễn Tuấn A 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời gian tạm giữ tạm giam của các bị cáo được trừ vào thời gian chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị L phải liên đới hoàn trả số tiền cho những người liên quan tổng số tiền 79.600.000đ, gồm: Chị Vũ Thị Hằng số tiền 3.500.000đ; Chị Lê Thị Ngọc Mai số tiền 3.500.000đ; Chị Phạm Thị Tuyết số tiền 3.500.000đ; Chị Nguyễn Thị Quỳnh số tiền 3.500.000đ; Chị Lê Thị Thơm số tiền 3.500.000đ; Chị Nguyễn Thị Lý số tiền 3.500.000đ; Chị Lê Thị Yến số tiền 3.500.000đ; Chị Phạm Thị Hằng số tiền 2.200.000đ; Chị Lê Thị Hậu số tiền 5.000.000đ; Chị Cao Thị Hằng số tiền 3.600.000đ; Chị Nguyễn Thị Phương số tiền 3.600.000đ; Chị Văn Thị Ngọc số tiền 3.600.000đ; Chị Văn Thị Mỹ Linh số tiền 4.400.000đ; Chị Bùi Thị Ánh Tuyết số tiền 3.700,000đ; Chị Lê Thị L số tiền 3.500.000đ; Chị Đinh Thị Thịnh số tiền 3.500.000đ; Chị Lưu Thị Hương số tiền 3.500.000đ; Chị Lê Thị Minh Phượng số tiền 3.500.000đ; Chị Bùi Thị Thủy số tiền 3.500.000đ; Chị Trịnh Thị Bình số tiền 3.500.000đ; Chị Lương Thị Phượng số tiền 3.500.000đ và anh Phạm Kim Công số tiền 4.500.000đ. Cụ thể theo phần: Bị cáo Lê Thị L phải chịu 44.600.000đ, quá trình điều tra bị cáo Liên đã nộp 10.000.000đ, hiện số tiền Liên nộp đang được lưu giữ tại tài khoản 3949 của Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa tại kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo còn phải nộp 34.600.000đ.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa nhận lại tiền được nhận tiền các bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Truy thu ở bị cáo Đặng Văn S 16.700.000đ và bị cáo Đặng Duy M 16.600.000đ. Bị cáo S được trừ đi số tiền bị cáo đã tự nguyện nộp 10.000.000đ số tiền này hiện nay đang được Lưu giữ tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa bị cáo còn phải nộp số tiền 6.700.000đ. Truy thu ở bị cáo Lê Thị L số tiền 13.150.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt tù đối với các bị cáo khác không kháng cáo, xử lý vật chứng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, các bị cáo Đặng Văn S, Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm hình phạt, Lê Thị L kháng cáo xin giảm hình phạt xin được hưởng án treo; Các bị cáo Đặng Duy M, Đặng Văn Gi, Nguyễn Tuấn A và Đặng Tiến Ho đều kháng cáo với nội dung đều đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của bản án sơ thẩm đã tuyên.

Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Thanh Hóa sau khi phân tích tính chất vụ án, nhân thân, động cơ mục đích, hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như tình tiết mới được bổ sung tại phiên tòa đã đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS chấp nhận phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo S, Liên, Gi và Minh từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù, giảm hình phạt cho bị cáo Ho và bị cáo H từ 03 (Ba) tháng đến 06 (Sáu) tháng và giảm cho bị cáo Tuấn A từ 01 (Một) tháng đến 03 (Ba) tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] *Xét về tính hợp pháp của đơn kháng cáo*: Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 333 BLTTHS, nên đơn kháng cáo được coi là hợp pháp. Do vậy, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận đơn của các bị cáo để xem xét nội dung kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Về hành vi phạm tội*: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội như sau:

Do có mục đích vụ lợi, lợi dụng danh nghĩa là giáo viên Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Thanh Hóa. Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2020 đến

tháng 6/2020, Lê Thị L, Đỗ Thị Gi, Hoàng Thị Hường và La Đức Dũng đã đứng ra thu, nhận hồ sơ của nhiều học viên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có nhu cầu thi cấp chứng chỉ tin học, ngoại ngữ. Sau đó Lê Thị L, Đỗ Thị Gi và Ho Thị Hường đã 02 lần mượn Trường tiểu học Lý Tự Trọng và 01 lần mượn khách sạn Phượng Hoàng (đều có địa chỉ tại thành phố Thanh Hóa), để tổ chức cho các học viên làm bài kiểm tra đánh giá năng lực; Sau đó Lê Thị L đã liên hệ và chuyển hồ sơ, thông tin học viên cho Đặng Văn S để S cùng đồng phạm làm giả 37 chứng chỉ. Số tài liệu chứng chỉ bị cáo Lê Thị L phải chịu trách nhiệm hình sự là 37 chứng chỉ.

Tham gia cùng làm giả tài liệu và con dấu với Đặng Văn S có Đặng Duy M, Nguyễn Văn H, Đặng Văn Gi, Nguyễn Tuấn A, Đặng Tiến Ho và các bị cáo khác không kháng cáo. Số tài liệu con dấu các bị cáo này phải chịu trách nhiệm hình sự là 37 chứng chỉ, 14 giấy phép lái xe và 91 con dấu các loại. Trong đó bị cáo Nguyễn Văn H là người giữ vai trò giúp sức tích cực cho S và Minh và là người trực tiếp thực hiện các công đoạn quan trọng nhất của việc làm giả. Các bị cáo Đặng Văn Gi, Đặng Tiến Ho và Nguyễn Tuấn A đồng phạm với vai trò giúp sức.

Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu và giấy tờ khác, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, là nguy hiểm cho xã hội. Do đó hành vi của các bị cáo: Lê Thị L, Đặng Văn S, Đặng Duy M, Nguyễn Văn H, Đặng Văn Gi, Nguyễn Tuấn A và Đặng Tiến Ho đã phạm vào tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Để đảm bảo trật tự xã hội, có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm thì việc truy tố, đưa ra xét xử và buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là cần thiết, cũng là bài học để răn đe và phòng ngừa chung. Cấp sơ thẩm xác định tội danh và khung hình phạt cho các bị cáo như trên là có căn cứ pháp luật.

[3] *Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo*:

[3.1] Nhận thấy, khi lượng hình cấp sơ thẩm có xem xét, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như:

Các bị cáo đều thành khẩn khai báo (quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS). Ngoài ra các bị cáo Đặng Văn S, Đặng Duy M tích cực phối hợp giúp đỡ các cơ quan trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm (Điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS). Bị cáo Liên có bố mẹ là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương, đã tích cực ủng hộ Quỹ phòng chống dịch Covid-19 và Quỹ trẻ khuyết tật, có bố là thương binh, sau khi phạm tội đã đến Cơ quan Công an đầu thú, tự nguyện khắc phục một phần hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo.

Các tình tiết giảm nhẹ nói trên cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp với quy định của pháp luật. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều

phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; Ngoài ra các bị cáo Đặng Văn S, Đặng Duy M, Nguyễn Văn H, Đặng Văn Gi, Nguyễn Anh Tuấn và Đặng Tiến Ho phải chịu tình tiết phạm tội có tổ chức theo điểm a khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo S đã có tiền án chưa được xóa án tích, cụ thể tại Bản án số 35/2017/HSST ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội tuyên phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Làm giả con dấu tài liệu của các cơ quan,tổ chức". Thời gian thử thách là 05 năm. Trong thời gian chấp hành thử thách tiếp tục phạm tội mới do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[3.2] Tại cấp phúc thẩm các bị cáo đều có thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, cụ thể:

Bị cáo Lê Thị L, Đặng Văn S, Đặng Duy M, Nguyễn Văn H, Đặng Văn Gi, Nguyễn Anh Tuấn và Đặng Tiến Ho đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, được chính quyền địa phương xác nhận có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại tại địa phương luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân, đồng thời đề nghị Tòa án và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét cho các bị cáo được hưởng khoan hồng của Nhà nước. Ngoài ra bị cáo Liên xuất trình các giấy khen về thành tích trong quá trình công tác. Bị cáo Đặng Văn Gi tại Công văn số 04/CV-ĐNL ngày 16/12/2022, Đồn Biên phòng Ngọc Lâm, tỉnh Nam Định xác nhận Gi đã tích cực giúp đỡ Đồn trong công tác nắm tình hình và tố giác tội phạm để Đồn Biên phòng Ngọc Lâm bắt giữ, khởi tố 01 đối tượng có hành vi tàng trữ, mua bán ma túy, thu giữ 03 gói Hêrôin, từ đó Đồn đề nghị Tòa án, xem xét vân dụng chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với Đặng Văn Gi. Bị cáo Đặng Duy M trong quá trình tại ngoại tại địa phương cũng đã tích cực tham gia ủng hộ Quỹ phòng chống Covid-19 (2.000.000đ) và ủng hộ Quỹ vì người nghèo (5.000.000đ), hơn nữa bị cáo có bác ruột Đặng Duy Quý là Liệt sỹ, bố mẹ bị cáo đã già yếu, hiện nay bị cáo đang phải trực tiếp thờ cúng. Bị cáo Nguyễn Tuấn A có ông nội Nguyễn Văn Thảo là Liệt sỹ trong chiến tranh chống Mỹ cứu nước. Bị cáo Đặng Văn S, Đặng Tiến Ho cũng tích cực tham gia ủng hộ Quỹ phòng chống Covid-19, mỗi bị cáo ủng hộ 2.000.000đ. Hơn nữa bản thân bị cáo S hiện đang bị bệnh viêm dạ dày cấp.

Cũng sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Đặng Duy M, Đặng Văn S và Lê Thị L đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, số tiền bị truy thu, tiền phạt bổ sung và tiền án phí, bị cáo Đặng Tiến Ho và Đặng Văn Gi đã tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Cụ thể bị cáo S đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính, tiền phạt bổ sung và tiền án phí là: 16.900.000đ (Mười sáu triệu, chín trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0001640 và Biên lai thu số 0001641 cùng ngày 13/12/2022 của Chi cục THA dân sự thành phố Thanh Hóa, bị cáo Liên đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính, số tiền hoàn trả cho những người liên quan và tiền án phí là 49.680.000đ (Bốn chín triệu, sáu trăm, tám mươi nghìn đồng đồng) tại Biên lai thu số 0001638 ngày 12/12/2022 của Chi cục THA dân sự thành phố Thanh Hóa; Bị cáo Minh đã nộp đủ số tiền thu lời bất chính bị truy thu và tiền án

phí là 16.800.000đ (Mười sáu triệu, tám trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0001646 ngày 21/12/2022 của Chi cục THA dân sự thành phố Thanh Hóa; Bị cáo Ho đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0001643 ngày 13/12/2022 và bị cáo Gi đã nộp đủ số tiền án phí sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0001642 ngày 13/12/2022 đều của của Chi cục THA dân sự thành phố Thanh Hóa theo quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên khi bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật, điều đó đã thể hiện sự ăn năn hối cải, hối hận với việc làm của mình. Đây được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 (Đối với bị cáo Gi) và tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo, HĐXX cần áp dụng khi xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo.

[3.3] HĐXX xét thấy tại cấp phúc thẩm các bị cáo đều có tình tiết mới quy định tại Điều 51 BLHS, cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo để các bị cáo thấy được tính nhân đạo và sự khoan hồng của Nhà nước. Mặc dù các bị cáo kháng cáo và đều xuất trình thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, song bị cáo S đang có tiền án, bị cáo Gi có nhân thân xấu và các bị cáo đều phạm tội nhiều lần, vậy nên cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống cộng đồng xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và để đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới cũng như nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình của các bị cáo. HĐXX xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình, xã hội.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX nhận thấy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là áp dụng Điều 357 của BLTTHS, chấp nhận phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, sửa phần áp dụng hình phạt của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật.

[4] *Về số tiền thu lợi bất chính phải truy thu*: Số tiền các bị cáo Lê Thị L, Đặng Văn S và Đặng Duy M đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hóa được trừ vào số tiền các bị cáo bị truy thu.

[5] *Về số tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm*: Các bị cáo Lê Thị L, Đặng Văn S; Đặng Duy M, Đặng Văn Gi và Đặng Tiến Ho đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hóa được trừ vào số tiền các bị cáo phải nộp. Bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Tuấn A phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

[6] *Án phí hình sự phúc thẩm*: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Thị L, Đặng Văn S; Đặng Duy M, Đặng Văn Gi; Đặng Tiến Ho, Nguyễn Văn H và Nguyễn Tuấn A. Sửa phần áp dụng hình phạt đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 242/2022/HS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thị L, Đặng Văn S; Đặng Duy M, Nguyễn Văn H, Đặng Văn Gi; Đặng Tiến Ho và Nguyễn Tuấn A phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ: Điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 341; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm a, g, h khoản 1 Điều 52; khoản 5 Điều 65; khoản 2 Điều 56; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ Luật Hình sự.

1. *Xử phạt*: Bị cáo Đặng Văn S 48 (Bốn tám) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 36 tháng tù về tội "Làm giả con dấu tài liệu của các cơ quan, tổ chức" của Bản án số 35/2017/HSST ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 (Bảy) năm tù. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ tạm giam (từ ngày 29/10/2020 đến ngày 02/3/2021). Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ Luật Hình sự.

2. *Xử phạt*: Bị cáo Lê Thị L 42 (Bốn hai) tháng tù. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ tạm giam (từ ngày 29/10/2020 đến ngày 23/11/2020). Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s; t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ Luật Hình sự.

3. *Xử phạt*: Bị cáo Đặng Duy M 39 (Ba chín) tháng tù. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ tạm giam (từ ngày 29/10/2020 đến ngày 11/01/2021). Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s; t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Khoản 2 Điều 54 và Điều 58 Bộ Luật Hình sự.

4. *Xử phạt*: Bị cáo Đặng Văn Gi 30 (Ba mươi) tháng tù. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ tạm giam (từ ngày 29/10/2020 đến ngày 23/01/2021). Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ Luật Hình sự.

5. *Xử phạt*: Bị cáo Nguyễn Văn H 51 (Năm mốt) tháng tù. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ tạm giam (từ ngày 29/10/2020 đến ngày 04/03/2021). Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

6. *Xử phạt*: Bị cáo Đặng Tiến Ho 36 (Ba sáu) tháng tù. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ tạm giam (từ ngày 29/10/2020 đến ngày 23/01/2021). Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

7. *Xử phạt*: Bị cáo Nguyễn Tuấn A 36 (Ba sáu) tháng tù. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ tạm giam (từ ngày 29/10/2020 đến ngày 04/3/2021). Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

Về số tiền thu lợi bất chính, tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm: Các bị cáo Lê Thị L, Đặng Văn S; Đặng Duy M, Đặng Văn Gi và Đặng Tiến Ho đã nộp đủ. Bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Tuấn A phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo; Người có QLNVLQ;
- TAND, VKSND Cấp cao HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- TAND, VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Quốc Thành